

BẢNG ĐIỂM TOÀN KHÓA XÉT ĐIỀU KIỆN NHẬN ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP
LỚP 64DCTH02

T T	Họ đệm	Tên	Tổng số TC	Tổng số TC TL				ĐTBCHT Hệ 10	ĐTBCHT Hệ 4	Số TC(DVHT) không đạt	Tỷ lệ DVHT nợ (%)	Đề nghị xét	Đề nghị xét																																											
				Đề nghị xét																																																				
				2	2	4	3						3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	2	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	2	3	2	3	2																		
1	Nguyễn Hoàng	An	128	81	4,61	1,34	55	40,44%	K	5,2	6,4	3,3	5,7	3,5	3,2	6,4	2,2	5,0	1,6	4,0	3,3		6,1	2,1	3,2	4,9	7,8	1,3		2,6	4,8	4,1	2,4	4,1	6,1	7,0	6,1	2,2	6,1	6,1		6,3	4,4	8,8	5,0	5,9	5,1	2,0	7,3	6,8	8,2	2,9	4,3	6,0	0,0	6,1
2	Mai Diệu	Anh	128	92	4,93	1,43	44	32,35%	K	3,3	4,5	6,1	5,5	4,5	1,8	5,6	3,4	7,8	0,9	2,8	5,8	0,0	8,4	6,1	5,3	4,9	7,0	3,3		4,1	5,6	6,1	3,5	4,8	3,9	3,0	5,6	7,7	4,9	4,6	6,5	1,8	5,1	8,6	6,6	6,4	3,9	6,2	7,3	4,7	3,4	4,0		4,3	4,4	
3	Trần Việt	Anh	128	90	5,08	1,56	46	33,82%	K	4,2	5,3	4,1	5,4	5,6	0,0	7,2	3,3	6,2	1,8	6,7	3,5	3,5	3,4	5,2	1,8	6,5	8,9	1,4	2,9	7,6	4,3	6,4	5,4	4,4	1,7	5,8	6,3	3,7		6,3	6,5	6,8	5,7	8,9	7,6		7,0	7,6	8,0	2,1	4,5	3,6	4,1		6,3	4,2
4	Nguyễn Huy	Bình	134	128	6,08	2,16	8	5,88%	K	6,2	6,8	7,8	6,9	6,6	5,6	6,3	3,1	7,4	4,8	5,2	7,0		7,1	4,9	9,0	4,5	5,7	4,1	5,5	6,3	5,5	4,8	5,5	5,5	6,6	3,0	5,9	5,4	4,6	6,2	6,5	4,4	6,7	9,3	6,2	7,9	6,5	5,2	8,3	6,9	7,3	4,2	5,5	6,4	6,2	5,6
5	Trần Kim	Chi	133	123	5,75	2,04	13	9,56%	K	6,5	6,7	4,3	8,0	6,3	5,6	6,3	3,6	6,0	6,0	8,7	4,1	5,2	7,0	5,0	5,3	4,4	5,9	4,0	4,6	7,8	5,5	6,6	7,2	4,2	7,7	3,1	4,6	5,4	6,0	5,6		4,9	5,0	0,0	6,3	6,6	7,3	4,3	6,6	8,5	8,6	4,1	8,6	6,3	7,0	4,8
6	Đào Thành	Chung	131	123	6,04	2,28	13	9,56%	K	7,2	6,7	6,0	6,4	5,2	5,6	7,1	7,0	6,6	8,4	4,0	5,3	6,2	8,0	6,6	4,5	7,3	7,5	2,1	8,9	5,9	5,5	7,3		5,6	6,4	6,0	0,0	6,0		4,9	7,2	7,0	7,1	0,0	7,7	6,3	6,8	7,5	7,1	7,4	4,5	5,6	6,6	4,8	6,4	4,3
7	Lê Minh	Chức	136	125	6,01	2,16	11	8,09%	K	5,5	8,8	6,4	7,4	6,6	1,8	7,2	3,2	7,2	6,2	2,8	7,0	4,3	6,4	5,5	7,2	5,6	5,7	3,5	6,4	6,9	5,1	6,4	8,1	4,2	7,6	6,2	5,1	8,2	5,9	4,7	6,5	4,0	6,8	8,8	6,4	8,0	5,4	6,1	6,6	4,6	7,0	5,8	6,7	5,9	4,4	5,3
8	Lê Thị Mỹ	Dung	133	116	5,94	2,11	20	14,71%	K	4,8	8,3	6,0	4,1	3,9	0,0	5,6	3,0	5,9	8,1	7,8	7,0	4,1	7,0	6,3	3,2	5,5	8,2	4,4	7,2	7,3	6,5	7,1	6,1	4,7	3,7	3,5	6,7	6,2	5,6	5,8		6,4	6,3	8,3	7,8	8,3	6,0	4,2	8,0	4,6	5,2	6,8	7,5	5,5	6,0	6,7
9	Vũ Trường	Giang	136	99	4,60	1,39	37	27,21%	K	2,9	7,0	4,2	2,5	1,5	7,0	6,2	4,2	7,1	7,5	2,3	4,3	3,4	5,1	4,3	1,8	7,0	7,1	1,3	5,0	7,2	5,0	5,0	4,4	2,0	1,7	3,1	5,6	6,0	5,1	4,6	8,1	5,3	5,9	0,0	5,6	5,5	4,8	6,6	7,2	4,4	3,6	0,0	5,2	6,6	4,4	5,0
10	Ninh Việt	Hà	133	116	5,92	2,06	20	14,71%	K	6,5	7,5	8,3	5,4	4,2	0,0	8,0	3,5	6,4	5,4	9,7	7,2	6,4	9,7	5,9	5,3	5,5	7,5	4,1	5,3	9,0	7,3	5,2	6,3	7,9	3,6	7,0	6,8	6,7	7,3	4,3		2,7	6,3	8,2	4,6	7,5	5,0	6,1	6,1	4,4	4,9	2,2	7,2	6,8	5,1	2,1
11	Trần Văn	Hải	136	132	6,29	2,31	4	2,94%	Đ	5,5	7,5	5,6	5,7	4,5	6,3	5,3	7,7	8,4	7,5	9,6	6,5	4,9	8,1	7,9	7,3	8,5	7,3	4,0	6,2	8,3	4,6	6,9	5,7	6,2	7,2	7,1	5,8	4,4	6,6	6,3	8,1	4,9	6,4	8,5	4,8	5,2	5,9	4,1	8,3	5,7	5,3	2,3	6,1	7,1	6,6	5,0
12	Phan Việt	Hạnh	133	127	6,64	2,56	9	6,62%	K	7,2	9,0	9,3	5,1	7,3	0,0	6,8	2,6	8,5	6,8	8,9	5,0	6,6	8,2	7,4	7,0	8,4	8,6	4,4	9,6	7,7	5,6	5,2	6,3	8,1	4,0	7,3	6,2	5,9	6,2	5,8		4,0	5,7	9,5	5,3	5,5	6,5	9,1	8,2	9,4	6,3	4,4	6,8	5,7	6,6	5,5
13	Nguyễn Văn	Hào	133	105	5,57	1,85	31	22,79%	K	5,8	5,6	6,7	5,7	3,5	5,6	0,0	9,1	7,8	6,5	7,2	7,0	4,4	1,8	7,4	3,9	4,7	7,7	3,8	9,2	9,2	6,0	8,0	5,5	4,7	4,0	6,9	5,0	5,8	5,4	5,8		2,2	4,4	7,8	4,5	7,3	3,1	4,4	7,7	8,0	4,0	2,3	7,2	6,8	2,0	5,9
14	Đoàn Thị Thu	Hằng	136	125	5,79	1,94	11	8,09%	K	7,2	5,4	4,4	7,9	4,2	5,6	7,8	7,2	6,8	6,5	7,1	6,5	4,5	2,9	4,8	6,6	5,1	7,3	3,5	3,7	8,1	5,1	5,0	6,3	6,1	6,8	2,9	7,1	4,6	5,3	5,1	8,1	6,4	6,3	9,2	4,3	5,2	6,6	4,1	5,8	4,0	5,8	5,4	5,7	5,7	7,5	4,9
15	Lê Thị	Hằng	136	131	6,09	2,18	5	3,68%	Đ	7,1	6,7	4,3	7,9	4,2	3,2	7,1	8,1	7,5	6,3	9,4	6,4	5,0	4,3	5,7	6,6	4,7	6,0	6,4	5,2	5,3	4,2	7,3	5,7	4,7	6,6	8,0	6,2	5,8	4,2	6,4	7,4	4,3	6,0	8,7	6,4	7,2	5,9	5,9	8,2	6,2	7,5	4,3	6,9	6,8	5,4	2,7
16	Nguyễn Văn	Hậu	136	134	6,28	2,29	2	1,47%	Đ	6,5	7,0	5,8	6,9	7,3	5,3	5,3	6,6	8,7	7,9	8,0	6,9	6,3	6,9	6,2	6,7	4,5	7,0	3,6	4,2	4,2	5,1	8,0	7,0	6,3	8,9	6,3	5,6	7,4	5,8	4,5	7,0	4,2	5,7	8,7	4,6	4,0	4,8	6,3	7,3	5,8	7,4	8,1	5,3	7,8	6,7	7,1
17	Hoàng Trọng	Hiếu	136	136	6,64	2,55	0	0,00%	Đ	4,4	6,4	6,5	7,8	6,6	8,3	7,0	5,4	9,6	7,3	6,0	7,2	5,7	8,2	8,8	8,7	7,3	7,5	5,0	8,9	6,1	5,8	5,2	5,4	6,3	8,7	7,0	7,0	7,1	4,9	7,4	9,0	6,3	6,0	9,5	5,8	7,5	5,0	4,8	5,8	4,2	7,3	5,4	4,1	5,2	6,2	5,7
18	Nguyễn Hữu	Hiệu	136	136	6,48	2,40	0	0,00%	Đ	6,5	7,0	6,8	7,8	5,2	7,7	7,9	7,5	6,7	7,7	7,9	6,5	4,7	8,6	6,4	7,3	7,4	8,4	7,5	5,6	6,3	4,7	7,3	5,3	5,6	4,7	6,6	7,3	6,2	7,1	7,4	9,0	6,8	5,9	9,0	4,1	5,0	6,5	5,9	7,7	4,8	5,7	6,0	6,4	5,1	4,0	5,0
19	Lê Xuân	Hoàng	136	136	6,84	2,65	0	0,00%	Đ	6,2	7,6	4,3	6,7	7,3	7,4	7,1	7,6	7,7	7,7	8,9	7,2	6,3	8,4	7,3	7,4	6,4	9,1	7,1	8,1	8,2	5,4	8,5	5,5	6,3	8,9	7,3	6,6	6,6	6,1	7,1	7,7	4,9	6,2	8,3	5,0	5,9	4,1	4,9	7,7	5,5	7,4	7,5	7,3	7,4	5,9	7,7
20	Lê Quang	Hùng	132	123	6,45	2,48	13	9,56%	K	6,7	8,7	6,7	8,2	7,0	3,2	6,2	7,4	7,1	7,3	8,2	4,9	4,5	7,3	7,9	6,7	6,0	8,0	0,0	7,5	7,5	5,0	5,9	6,1	6,9	6,9	7,0	6,6	6,0	5,9	5,5	7,5	7,0	7,2	9,0	4,1		6,1	7,8	5,1	6,1	7,4	1,9	8,0	7,1	6,8	7,5
21	Vương	Hùng	136	124	5,80	1,99	12	8,82%	K	5,5	5,2	4,6	6,4	1,5	7,0	7,0	1,5	7,4	7,5	9,1	6,5	5,0	2,9	8,0	3,2	5,7	8,2	5,0	7,9	4,4	4,8	7,5	4,7	4,7	4,3	6,7	4,7	4,4	7,1	6,2	6,5	4,5	5,3	8,3	4,0	6,8	5,5	7,4	6,6	5,7	4,4	7,3	8,8	4,9	6,0	5,3
22	Phạm Thị Thu	Huyền	136	130	6,08	2,14	6	4,41%	Đ	7,9	8,2	7,9	7,6	4,5	6,3	5,7	9,0	7,9	6,2	8,9	7,0	5,8	4,1	4,1	3,2	5,8	6,4	4,9	4,9	4,7	5,8	8,0	5,7	5,8	6,4	6,3	6,5	4,7	5,8	6,5	7,2	5,6	7,2	9,4	4,8	5,5	4,5	7,1	7,7	4,0	3,3	5,6	5,7	5,2	5,5	7,4
23	Nguyễn Đình	Khôi	136	134	6,69	2,54	2	1,47%	Đ	5,8	6,7	8,2	7,3	8,0	7,7	5,3	7,4	7,7	7,3	8,4	4,1	5,7	9,3	8,1	7,3	8,3	9,8	3,7	9,2	9,1	6,2	5,2	6,6	5,8	7,8	8,8	5,6	5,2	5,1	6,5	8,2	4,2	6,6	8,5	4,3	5,6	4,3	8,5	4,3	6,8	5,8	5,6	5,7	5,6	6,5	4,9
24	Nguyễn Khả	Liêm	132	122	6,19	2,17	14	10,29%	K	6,9	8,4	4,4	7,8	4,5	7,7	6,0	8,7	7,7	6,5	7,5	7,0	2,8	7,3	6,2	5,3	7,8	6,4	5,1	7,3	6,1	5,7	6,6	4,8	6,5	6,2	6,6	6,3	7,7	5,2	4,7	8,0	4,7	5,4	8,6	3,6		4,9	7,5	8,8	4,6	7,7	3,3	6,2	7,5	4,5	4,1
25	Nguyễn Phúc	Linh	122	107	5,61	1,92	29	21,32%	K	8,2	6,1	7,4	7,4	6,6	1,8	6,3	4,6	8,1		7,0	4,5	5,4	3,3	5,0	7,3	6,1	6,0	5,4		5,7	4,2	5,9	5,2	7,4	2,2	6,5	4,9	6,2	5,6	6,3	6,0	6,0	6,7	8,2	4,3	4,4	3,1		7,5	5,5	2,0	5,4		5,7	4,1	
26	Đỗ Thị	Luyến	132	129	6,68	2,56	7	5,15%	K	8,5	8,9	6,7	7,8	4,5	6,3	6,7	9,2	7,4	6,9	7,3	7,0	4,1	7,1	5,7	3,5	5,9	7,6	6,2	6,0	8,3	5,0	8,7	5,9	7,9	6,6	7,0	7,0	7,3	7,2	7,2	8,1	7,0	6,4	8,7	5,0	4,9	6,3	7,5	5,2		6,1	5,9	8,9	8,0	4,6	6,9
27	Mai Thị	Ngà	136	136	6,34	2,33	0	0,00%	Đ	5,8	8,3	8,2	8,0	8,0	7,0	5,5	8,7	4,7	6,2	8,4	4,0	5,9	4,1	5,0	4,2	6,1	7,5	8,9	6,6	5,9	5,1	4,5	4,9	5,8	7,3	7,0	7,6																			

[illegible]

Tổng hợp:

	Số SV	Tỷ lệ (%)
Đủ điều kiện nhận ĐATN:	23	45,10
Không đủ điều kiện nhận ĐATN:	28	54,90

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2017

T T	
Họ đệm	
Tên	
Tổng số TC	
Tổng số TCTL	
ĐTBCHT Hệ 10	
ĐTBCHT Hệ 4	
Số TC (ĐVHT) không đạt	
Tỷ lệ ĐVHT nợ (%)	
Đề nghị xét	
2	DC3HT51_An toàn và bảo mật hệ thống thông tin (2)
2	DC2TH33_Automat và ngôn ngữ hình thức (2)
4	DC2HT26_Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (4)
3	DC2HT38_Công nghệ phần mềm (3)
3	DC3HT48_Đồ án Mạng máy tính (3)
3	DC3HT49_Đồ án Xây dựng hệ thống thông tin (3)
3	DC1LL04_Đường lối CM của Đảng cộng sản Việt Nam (3)
3	DC3HT23_Hệ cơ sở tri thức (3)
2	DC3TH63_Hệ điều hành Unix (2)
3	DC3HT21_Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu (3)
3	DC3HT22_Hệ trợ giúp quyết định (3)
3	DC2HT11_Kiến trúc máy tính (3)
2	DC1TH46_Kỹ thuật điện - điện tử (2)
3	DC2HT39_Kỹ thuật đồ họa máy tính (3)
3	DC2TT35_Lập trình hướng đối tượng C++ (3)
3	DC2HT36_Lập trình trên môi trường Web (3)
3	DC2HT34_Lập trình trực quan C# (3)
2	DC2HT25_Lý thuyết đồ thị (2)
2	DC1CB20_Lý thuyết xác suất - thống kê (2)
3	DC2TT23_Ngôn ngữ lập trình C (3)
3	DC3HT15_Ngôn ngữ mô hình hóa UML (3)
3	DC2HT12_Nguyên lý Hệ điều hành (3)
2	DC2TH34_Nhập môn chương trình dịch (2)
3	DC2TT22_Nhập môn Cơ sở dữ liệu (3)
3	DC2HT13_Nhập môn mạng máy tính (3)
2	DC3TH17_Nhập môn tương tác người - máy (2)
3	DC3HT16_Nhập môn Xir lý ảnh (3)
2	DC1LL01_Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 1 (2)
3	DC1LL02_Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2 (3)
2	DC1LL05_Pháp luật Việt Nam đại cương (2)
3	DC2HT37_Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin (3)
3	DC3HT40_Phân tích và thiết kế hướng đối tượng (3)
3	DC3TT47_Quản trị mạng (3)
3	DC3HT46_Thiết kế mạng máy tính (3)
4	DC4TH70_Thực tập tốt nghiệp (4)
4	DC1CB31_Tiếng Anh 1 (4)
4	DC1CB32_Tiếng Anh 2 (4)
3	DC3HT33_Tiếng Anh 3 (3)
3	DC1TT43_Tin học đại cương (3)
3	DC2TT21_Toán rời rạc (3)
4	DC1CB11_Toán 1 (4)
3	DC1CB12_Toán 2 (3)
4	DC1CB13_Toán 3 (4)
3	DC3HT12_Tri tuệ nhân tạo (3)
2	DC1LL03_Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)
4	DC1CB21_Vật lý đại cương 1 (4)
2	DC1CB22_Vật lý đại cương 2 (2)

PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO